



BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 07/2025

 **CÔNG TY LUẬT TNHH QUỐC TẾ TNTP VÀ CÁC CỘNG SỰ**

Website: [/dsdc.com.vn/](http://dsdc.com.vn/) & [/tntplaw.vn/](http://tntplaw.vn/)

Liên hệ: (+84) 93 179 8818

NHỮNG MỤC TIN CHÍNH

Nghị định số 117/2025/NĐ-CP quy định về Quản lý Thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng Thương mại điện tử, nền tảng số của hộ và cá nhân

1. Đối tượng áp dụng của Nghị định 117
2. Việc khấu trừ, nộp thuế thay đổi đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số theo Nghị định 117
3. Thời điểm thực hiện khấu trừ, xác định số thuế phải khấu trừ đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số theo Nghị định 117
4. Cách thức kê khai và nộp số thuế đã khấu trừ đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số theo Nghị định 117
5. Trách nhiệm của hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử theo Nghị định 117

Những điểm mới của Nghị định số 23/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy

1. Phân loại các chứng thư điện tử và mở rộng phạm vi điều chỉnh
2. Quản lý chặt chẽ chữ ký điện tử chuyên dùng và áp dụng trong cơ quan, tổ chức
3. Công nhận chữ ký điện tử nước ngoài

Nội dung chính của Nghị quyết 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân của Bộ Chính trị

1. Lý do ban hành
2. Quan điểm chỉ đạo
3. Về giải pháp

Nghị định số 117/2025/NĐ-CP quy định về Quản lý Thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng Thương mại điện tử, nền tảng số của hộ và cá nhân

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 117/2025/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ và cá nhân. Nghị định chính thức có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 ("**Nghị định 117**"). Sự ra đời của Nghị định này được xem là bước đi quan trọng trong việc siết chặt công tác quản lý thuế đối với loại hình kinh doanh trực tuyến ngày càng phổ biến, đồng thời đảm bảo công bằng nghĩa vụ thuế giữa các chủ thể kinh doanh truyền thống và kinh doanh trên nền tảng số. Nhằm giúp Quý độc giả kịp thời nắm bắt những thay đổi quan trọng và tuân thủ đúng quy định pháp luật, Chi nhánh Công ty Luật TNHH Quốc tế TNTP và Các cộng sự ("**TNTP**") trân trọng gửi đến một số nội dung nổi bật của Nghị định này.

1. Đối tượng áp dụng của Nghị định 117

Căn cứ Điều 2 Nghị định 117 quy định áp dụng đối với những đối tượng sau:

- Tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, tổ chức là nhà quản lý nền tảng số có chức năng thanh toán và các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thuế thay.
- Hộ, cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số.
- Cơ quan quản lý thuế và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Việc khấu trừ, nộp thuế thay đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số theo Nghị định 117

Căn cứ tại Điều 4 Nghị định 117 quy định về khấu trừ, nộp thuế thay, theo đó, Điều 4 quy định trực tiếp về (1) trách nhiệm khấu trừ và nộp thay thuế giá trị gia tăng (VAT) đối với tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử và (2) trách nhiệm khấu trừ và nộp thay thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đối với tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử, cụ thể như sau:

a. Về trách nhiệm khấu trừ và nộp thay thuế giá trị gia tăng (VAT)

Các tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử – bao gồm cả tổ chức trong nước và nước ngoài, cụ thể là: Chủ sở hữu trực tiếp điều hành nền tảng thương mại điện tử, hoặc Người được ủy quyền quản lý nền tảng thương mại điện tử sẽ thuộc đối tượng phải khấu trừ và nộp thay thuế giá trị gia tăng (VAT) cho hộ và cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng.

Điều kiện phát sinh nghĩa vụ thuế: Khi có giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ thông qua nền tảng thương mại điện tử và giao dịch này phát sinh doanh thu tại Việt Nam, thì tổ chức quản lý nền tảng phải thực hiện khấu trừ và nộp VAT thay cho hộ/cá nhân kinh doanh.

Nghị định số 117/2025/NĐ-CP quy định về Quản lý Thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng Thương mại điện tử, nền tảng số của hộ và cá nhân

b. Về trách nhiệm khấu trừ và nộp thay thuế thu nhập cá nhân (TNCN)

Tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử (cả trong nước và ngoài nước, như đã nêu ở trên) cũng phải thực hiện khấu trừ và nộp thay thuế thu nhập cá nhân (TNCN) trong các trường hợp sau:

Đối với cá nhân cư trú tại Việt Nam: Tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử Phải khấu trừ và nộp thay TNCN cho các cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh qua nền tảng. Tức là: Dù giao dịch diễn ra ở trong nước hay ngoài nước, nếu người bán là cá nhân cư trú thì tổ chức quản lý nền tảng vẫn phải khấu trừ và nộp thay thuế TNCN cho họ.

Đối với cá nhân không cư trú tại Việt Nam: Tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử cũng phải thực hiện trách nhiệm khấu trừ và nộp thay TNCN đối với các giao dịch của cá nhân không cư trú có hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ qua nền tảng, tuy nhiên trách nhiệm này chỉ chỉ áp dụng đối với các giao dịch phát sinh doanh thu tại Việt Nam. Tức là: Nếu người bán là cá nhân không cư trú và có doanh thu phát sinh tại Việt Nam, thì tổ chức nền tảng cũng phải khấu trừ và nộp thay thuế TNCN theo quy định.

Như vậy, quy định tại Điều 4 Nghị định 117 đã làm rõ trách nhiệm pháp lý của các tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử – cả trong nước và nước ngoài – trong việc khấu trừ và nộp thay thuế VAT và thuế TNCN cho hộ, cá nhân kinh doanh trên nền tảng. Việc áp dụng cơ chế khấu trừ, nộp thuế thay không chỉ giúp cơ quan thuế kiểm soát tốt hơn nguồn thu phát sinh từ hoạt động kinh doanh trực tuyến, mà còn giảm bớt gánh nặng kê khai, nộp thuế trực tiếp cho hộ, cá nhân.

3. Thời điểm thực hiện khấu trừ, xác định số thuế phải khấu trừ đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số theo Nghị định 117

Căn cứ tại Điều 5 Nghị định 117 quy định về thời điểm thực hiện khấu trừ, xác định số thuế phải khấu trừ, cụ thể như sau:

a. Thời điểm thực hiện khấu trừ thuế

Theo quy định của Nghị định 117, các tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử (bao gồm cả trong và ngoài nước) sẽ phải thực hiện khấu trừ thuế ngay tại thời điểm xác nhận giao dịch thành công và chấp nhận thanh toán.

Nói cách khác, ngay khi hộ, cá nhân bán được hàng hoặc cung cấp dịch vụ thành công trên nền tảng và được xác nhận thanh toán, nền tảng sẽ tự động khấu trừ thuế VAT và/hoặc thuế TNCN trước khi chuyển khoản thanh toán cho người bán.

Nghị định số 117/2025/NĐ-CP quy định về Quản lý Thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng Thương mại điện tử, nền tảng số của hộ và cá nhân

b. Cách xác định số thuế phải khấu trừ

Số thuế giá trị gia tăng, số thuế thu nhập cá nhân phải thực hiện khấu trừ được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu của mỗi giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, cụ thể như sau:

Thuế giá trị gia tăng (VAT): Tỷ lệ % tính thuế giá trị gia tăng thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa: tỷ lệ khấu trừ VAT trên doanh thu là 1%;
- Dịch vụ: tỷ lệ khấu trừ VAT trên doanh thu là 5%;
- Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa: tỷ lệ khấu trừ VAT trên doanh thu là 3%.

Thuế thu nhập cá nhân (TNCN): Áp dụng theo Luật Thuế TNCN và phân loại theo tình trạng cư trú của người bán

- Đối với cá nhân cư trú: Hàng hóa: 0,5%; dịch vụ: 2%; vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa: 1,5%.
- Đối với cá nhân không cư trú: Hàng hóa: 1%; dịch vụ: 5%; vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa: 2%.

Trường hợp không xác định được loại giao dịch

- Trường hợp các tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thay không xác định được giao dịch phát sinh doanh thu từ nền tảng thương mại điện tử là hàng hóa hay dịch vụ hoặc loại dịch vụ thì việc xác định số thuế phải khấu trừ thực hiện theo mức tỷ lệ % cao nhất.

Doanh thu làm căn cứ tính thuế

- Doanh thu để tính số thuế phải khấu trừ là toàn bộ số tiền bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ mà hộ, cá nhân được hưởng, do tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thu hộ từ khách hàng mua.

Như vậy, quy định tại Điều 5 Nghị định 117 đã xác lập rõ ràng thời điểm khấu trừ thuế là ngay khi giao dịch được xác nhận thành công và chấp nhận thanh toán, đảm bảo việc thu thuế kịp thời, minh bạch.

Nghị định số 117/2025/NĐ-CP quy định về Quản lý Thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng Thương mại điện tử, nền tảng số của hộ và cá nhân

4. Cách thức kê khai và nộp số thuế đã khấu trừ đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số theo Nghị định 117

Căn cứ Điều 6 Nghị định 117 quy định về cách thức kê khai và nộp số thuế đã khấu trừ như sau:

a. Về kê khai thuế đã khấu trừ: Các tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử (bao gồm cả trong và ngoài nước) có trách nhiệm thực hiện kê khai số thuế đã khấu trừ theo tháng.

b. Về xử lý giao dịch bị hủy hoặc trả lại hàng: Trong trường hợp giao dịch bị hủy hoặc hàng hóa/dịch vụ bị trả lại, dẫn đến việc hộ, cá nhân không còn doanh thu thực tế, tổ chức nền tảng sẽ được phép điều chỉnh số thuế đã khấu trừ, nộp thay như sau: Số thuế đã khấu trừ của giao dịch bị hủy hoặc trả lại sẽ được bù trừ vào số thuế phải khấu trừ, nộp thay của các giao dịch khác trong kỳ kê khai.

c. Cách xác định số thuế nộp thay: Số thuế mà tổ chức nền tảng phải nộp thay cho hộ, cá nhân trong kỳ kê khai được tính bằng tổng thuế của các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ thành công trừ đi tổng thuế của các giao dịch bị hủy hoặc trả lại hàng (nếu có).

Như vậy, Quy định tại Điều 6 Nghị định 117/2025/NĐ-CP đã thiết lập cơ chế kê khai và điều chỉnh thuế đối với các tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử.



Nghị định số 117/2025/NĐ-CP quy định về Quản lý Thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng Thương mại điện tử, nền tảng số của hộ và cá nhân

5. Trách nhiệm của hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử theo Nghị định 117

a. Trách nhiệm của hộ, cá nhân tự kê khai, nộp một số loại thuế đặc thù

Nghị định 117 đã quy định, hộ, cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử có trách nhiệm kê khai và nộp thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên và các khoản thu khác phải nộp ngân sách nhà nước do cơ quan thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan.

b. Trách nhiệm hộ, cá nhân cung cấp thông tin định danh

Hộ, cá nhân kinh doanh có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và chính xác các thông tin định danh cho tổ chức quản lý nền tảng, nhằm phục vụ việc kê khai và nộp thuế thay. Cụ thể:

Công dân Việt Nam: cung cấp mã số thuế hoặc số định danh cá nhân;

Người nước ngoài: cung cấp số hộ chiếu hoặc thông tin định danh được cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp;

Đồng thời cung cấp các thông tin bắt buộc theo quy định của pháp luật thương mại điện tử (ví dụ: tên, địa chỉ, phương thức thanh toán...).

c. Miễn khai, nộp thuế nếu đã được khấu trừ, nộp thay

Hộ, cá nhân đã được tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử khấu trừ, kê khai, nộp thay số thuế giá trị gia tăng, số thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Nghị định này thì không phải khai, nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với các hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử đã khấu trừ, nộp thuế thay.

Như vậy, nghị định 117 đã xác định rõ trách nhiệm thuế của hộ, cá nhân kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử.

Nghị định 117 đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện hành lang pháp lý nhằm quản lý hiệu quả hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử và nền tảng số, đặc biệt đối với hộ và cá nhân đang kinh doanh. Chúng tôi hy vọng bài viết trên giúp ích cho Quý bạn đọc.

Trân trọng.

Những điểm mới của Nghị định số 23/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy

Ngày 21 tháng 2 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 23/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/4/2025 quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy. Nghị định số 23/2025/NĐ-CP thay thế Nghị định số 130/2018/NĐ-CP, nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, đáp ứng yêu cầu thực tiễn về định danh điện tử, giao dịch số và bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin trong môi trường điện tử. Bài viết này sẽ điểm qua một số nội dung mới đáng chú ý của Nghị định 23/2025/NĐ-CP.

1. Phân loại các chứng thư điện tử và mở rộng phạm vi điều chỉnh

Một trong những điểm đổi mới quan trọng của Nghị định 23/2025/NĐ-CP là việc phân loại cụ thể các loại chứng thư điện tử. Theo đó, Điều 4 của Nghị định số 23/2025/NĐ-CP xác định bốn loại chứng thư gồm:

Chứng thư chữ ký số gốc: do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia tự cấp cho mình tương ứng với từng loại dịch vụ tin cậy (ở đây là Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông).

Chứng thư của tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy: là chứng thư chữ ký số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia cấp cho tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy tương ứng với từng loại dịch vụ tin cậy, bao gồm: chứng thư chữ ký số cho dịch vụ cấp dấu thời gian, chứng thư chữ ký số cho dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu, chứng thư chữ ký số cho dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

Chứng thư chữ ký số công cộng: là chứng thư chữ ký số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp cho thuê bao.

Chứng thư chữ ký điện tử chuyên dùng: chứng thư chữ ký điện tử do cơ quan, tổ chức tạo lập chữ ký điện tử chuyên dùng cấp.

Mỗi loại chứng thư được quy định cụ thể về nội dung, mục đích sử dụng và thời hạn hiệu lực (từ 3 năm đến 25 năm tùy loại). Bên cạnh đó, Nghị định số 23/2025/NĐ-CP cũng mở rộng phạm vi điều chỉnh đến các dịch vụ tin cậy khác như: dấu thời gian điện tử, dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu, dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng, thay vì chỉ giới hạn trong dịch vụ chứng thực chữ ký số như trước đây.

Những điểm mới của Nghị định số 23/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy

2. Quản lý chặt chẽ chữ ký điện tử chuyên dùng và áp dụng trong cơ quan, tổ chức

Chữ ký điện tử chuyên dùng là một điểm mới quan trọng trong Nghị định 23/2025/NĐ-CP. Đây là loại chữ ký được sử dụng nội bộ trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ mà không cần sử dụng dịch vụ công cộng bên ngoài. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định 23/2025/NĐ-CP, chữ ký điện tử chuyên dùng sẽ có giá trị tương đương với chữ ký trong văn bản giấy nếu đáp ứng đồng thời các điều kiện về:

- Xác nhận của chủ thể ký và khẳng định sự chấp thuận của chủ thể ký;
- Dữ liệu tạo chữ ký điện tử chuyên dùng chỉ gắn duy nhất với nội dung của thông điệp dữ liệu được chấp thuận;
- Dữ liệu tạo chữ ký điện tử chuyên dùng chỉ thuộc sự kiểm soát của chủ thể ký tại thời điểm ký;
- Hiệu lực của chữ ký điện tử chuyên dùng có thể được kiểm tra theo điều kiện do các bên tham gia thỏa thuận.

Việc sử dụng chữ ký chuyên dùng được đánh giá là giải pháp tiết kiệm chi phí và linh hoạt, phù hợp với các mô hình quản trị hiện đại trong môi trường số. Tuy nhiên, để đảm bảo tính hợp pháp và an toàn thông tin, chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn do cơ quan, tổ chức tạo lập, sử dụng riêng cần đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2, khoản 3 Điều 9 Nghị định 23/2025/NĐ-CP gồm:

- Hoạt động nội bộ của cơ quan, tổ chức tạo lập;
- Hoạt động chuyên ngành hoặc lĩnh vực, có cùng tính chất hoạt động hoặc mục đích công việc và được liên kết với nhau thông qua điều lệ hoạt động hoặc văn bản quy định về cơ cấu tổ chức, hình thức liên kết, hoạt động chung;
- Hoạt động đại diện cho chính cơ quan, tổ chức tạo lập chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn để giao dịch với tổ chức, cá nhân khác



Những điểm mới của Nghị định số 23/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy

3. Công nhận chữ ký điện tử nước ngoài

Bên cạnh đó, Nghị định số 23/2025/NĐ-CP cũng nói đến việc công nhận và tích hợp chứng thư điện tử nước ngoài vào hệ thống xác thực trong nước. Điều này tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy giao dịch điện tử xuyên biên giới, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam tham gia ngày càng nhiều hiệp định thương mại tự do. (Điều 26; 27)

Nghị định 23/2025/NĐ-CP là bước tiến lớn về thể chế pháp lý trong lĩnh vực chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy. Với các quy định rõ ràng, chặt chẽ, Nghị định không chỉ góp phần nâng cao tính pháp lý cho giao dịch điện tử mà còn mở rộng không gian pháp lý cho công nghệ số phát triển bền vững. Các doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan nhà nước cần nhanh chóng cập nhật quy định mới, điều chỉnh quy trình nghiệp vụ và xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phù hợp nhằm thích ứng hiệu quả với môi trường giao dịch số hóa.



Nội dung chính của Nghị quyết 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân của Bộ Chính trị

Nhằm thực hiện hóa các chủ trương phát triển đất nước trong “Kỷ nguyên vươn mình” tại Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 68-NQ/TW với mục tiêu phát triển kinh tế tư nhân tại Việt Nam, nghị định này đã đưa ra nhiều nội dung cần thiết để tăng cường và tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển hơn nữa để đóng góp thêm vào nền kinh tế, xã hội đất nước (**“Nghị quyết 68”**). Trong bài viết này, TNTP sẽ phân tích các nội dung chính của Nghị quyết 68 đối với kinh tế tư nhân Việt Nam.

1. Lý do ban hành

Sau gần 40 năm từ thời kỳ đổi mới từ 1986, nền kinh tế tư nhân đã phát triển mạnh mẽ với nhiều đóng góp cho nền kinh tế khi chiếm đến khoảng 50% GDP, 30% tổng thu ngân sách, sử dụng khoảng 82% tổng số lao động đồng góp vào việc xóa đói, giảm nghèo và ổn định đời sống xã hội. Tuy nhiên Nghị quyết 68 đã đưa ra những quan điểm quan trọng để nhấn mạnh nền kinh tế tư nhân vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, kỳ vọng là lực lượng nòng cốt của kinh tế đất nước bởi các lý do sau:

Tư duy, nhận thức về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế còn chưa đầy đủ, chưa theo kịp yêu cầu phát triển;

Thể chế, pháp luật còn vướng mắc, bất cập;

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo chưa được quan tâm đúng mức;

Quyền tài sản và quyền tự do kinh doanh chưa được bảo đảm đầy đủ;

Kinh tế tư nhân gặp nhiều khó khăn, trở ngại trong tiếp cận nguồn lực, đặc biệt là vốn, công nghệ, đất đai, tài nguyên và nhân lực chất lượng cao;

Một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ chưa thực sự hiệu quả và khó tiếp cận;

Chi phí kinh doanh còn cao.



Nội dung chính của Nghị quyết 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân của Bộ Chính trị

2. Quan điểm chỉ đạo

Tại Nghị quyết 68, Bộ chính trị đã đưa ra 5 quan điểm chỉ đạo chính bao gồm:

- a) Xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia, có vai trò nóng cốt để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự cường nhằm đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu, vươn lên phát triển thịnh vượng.
- b) Phát triển kinh tế tư nhân nhanh, bền vững, hiệu quả, chất lượng cao vừa là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, vừa mang tính chiến lược lâu dài, cần được cụ thể hoá trong các chiến lược, chính sách phát triển của đất nước.
- c) Xoá bỏ triệt để nhận thức, tư tưởng, quan niệm, thái độ định kiến về kinh tế tư nhân Việt Nam; đánh giá đúng vai trò quan trọng của kinh tế tư nhân đối với phát triển đất nước. Đảm bảo quyền lợi, quyền bình đẳng của doanh nghiệp, doanh nhân trong nền kinh tế tư nhân đối với việc tiếp cận cơ hội kinh doanh và các nguồn lực kinh tế khác.
- d) Tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu. Kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực cần đổi mới sáng tạo. Thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp.
- e) Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, kiến tạo của Nhà nước, lấy doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng doanh nhân có đạo đức và văn hóa kinh doanh.

Các quan điểm chỉ đạo này thể hiện sự thay đổi lớn khi Đảng đã xác định giá trị to lớn của Kinh tế tư nhân trong thời kỳ mới, đồng thời cũng tạo các điều kiện thuận lợi để nền kinh tế tư nhân tiếp tục phát triển. Các chỉ đạo này sẽ là cơ sở để ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết nhằm hiện thực hóa tầm nhìn của Bộ Chính trị đối với nền kinh tế tư nhân theo Nghị quyết 68.

Nội dung chính của Nghị quyết 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân của Bộ Chính trị

3. Về giải pháp

Sau khi đưa ra những chỉ đạo cụ thể, Bộ Chính trị đã đưa ra các giải pháp để hiện thực hóa các mục tiêu đề ra. Theo ý kiến của TNTP, các giải pháp quan trọng nhất bao gồm:

- (i) Đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách, bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền cạnh tranh bình đẳng của kinh tế tư nhân và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân;
- (ii) Tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực về đất đai, vốn, nhân lực chất lượng cao;
- (iii) Thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh doanh hiệu quả, bền vững trong kinh tế tư nhân;
- (iv) Hình thành và phát triển nhanh các doanh nghiệp lớn và vừa, các tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu;
- (v) Hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh;

Khi các giải pháp này được cụ thể hóa và đi vào thực tiễn sẽ là động lực to lớn để kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ. Các rào cản và kim hãm sẽ bị loại bỏ, kèm theo đó là sự hỗ trợ toàn diện của thể chế, pháp luật và sự công bằng hơn trong việc tiếp cận các nguồn lực để tối đa hóa sức cạnh tranh của kinh tế tư nhân để từng bước đáp ứng được yêu cầu, kỳ vọng của kinh tế đất nước.

Từ những nội dung trên, có thể thấy Nghị quyết 68 là bước đầu của một thay đổi to lớn đối với xã hội nước ta nói chung và kinh tế tư nhân nói riêng. Việc kinh tế tư nhân nhận được sự công nhận với những đóng góp của mình cho xã hội, được nhà nước tạo thêm nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển một cách bình đẳng và mạnh mẽ cho thấy sự thay đổi trong thống nhất tư duy của Đảng và Nhà nước để kinh tế tư nhân trở thành một trong những bàn đạp vững chắc, là một động lực quan trọng để tiến đến một thời đại mới vinh quang của dân tộc.

BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 07/2025

CÔNG TY LUẬT TNHH QUỐC TẾ TNTP VÀ CÁC CỘNG SỰ

Văn phòng tại Hồ Chí Minh:

Phòng 1901, Tầng 19, Tòa nhà Sài Gòn Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Liên hệ: (+84) 903 503 285 - (+84) 282 220 0911

Email: tra.nguyen@tntplaw.com

Văn phòng tại Hà Nội:

Số 2, Ngõ 308 Tây Sơn, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Liên hệ: (+84) 931 798 818

Email: ha.nguyen@tntplaw.com.vn

Văn phòng tại Đà Nẵng:

31 Đường Trần Phú, phường Hải Châu, Đà Nẵng

Liên hệ: (+84) 903 503 285

Email: tra.nguyen@tntplaw.com

 [/dsdc.com.vn/](https://dsdc.com.vn/) & [/tntplaw.vn/](https://tntplaw.vn/)

 [/giaiquyettranhchaphvathuhoino/](https://giaiquyettranhchaphvathuhoino/)